

Lời mở đầu

Champa là cựu vương quốc nằm ở miền Trung Việt Nam, chạy dài từ tỉnh Quảng Bình đến biên giới Sài Gòn, bao gồm cả miền duyên hải và khu vực cao nguyên¹. Xuất hiện trong văn kiện lịch sử kể từ thế kỷ thứ 2, vương quốc Champa đã từng đóng góp một vai vô cùng quan trọng trong quá trình lịch sử ở khu vực Đông Nam Á trong suốt mười mấy thế kỷ. Sau ngày vùng khởi chính sách Nam Tiến của Đại Việt, nhất là dưới triều đại nhà Nguyễn, vương quốc Champa bị xóa hẳn trên bản đồ Bán Đảo Đông Dương vào năm 1832².

Champa một vương quốc theo thể chế liên bang, rất gần gũi với thể chế liên bang Mã Lai hôm nay, tập trung, tùy theo không gian và thời gian, gồm năm tiểu vương quốc:

- Indrapura
- Amaravati
- Vijaya

¹ Liên quan đến lịch sử Champa, độc giả nên xem các tác phẩm sau đây: G. Maspero (1928); G. Coedes (1964); Po Dharma (1978, 1987, 1997). Liên quan đến lịch sử địa lý Champa, xem Quanch-Langlet, T. (1988).

Năm 1965, Dorohiem và Dohamide xuất bản *Dân-Tộc Chăm Lược-Sử*. Đây là một tác phẩm chứa chấp nhiều sự sai lầm, nhất là yếu tố cơ bản của lịch sử và niên đại của vua chúa Champa. Chính vì thế, độc giả nên thận trọng khi dùng tư liệu này.

² Xem Po Dharma (1987; 1988, trang 59-67; 1991, trang 47-64); P. B. Lafont (1980, trang 105-111).

Dựa vào giả thuyết sai lầm của E. Durand (1907, trang 353-355) và không cần đọc những tư liệu lịch sử khác, Dorohiem và Dohamide (1965, trang 108), biến giả thuyết sai lầm này thành văn kiện lịch sử cho rằng vương quốc Champa bị mất vào năm 1822. Nói gót Dorohiem và Dohamide, nhiều nhà nghiên cứu ở Việt Nam lập đi lập lại sự sai lầm này mà không cần kiểm chứng lại dự kiện lịch sử.

- Kauthara
- Panduranga³.

Champa là vương quốc đa chủng tập trung tất cả dân tộc cùng chung sống trong lãnh thổ của vương quốc này, gồm có Radé, Jarai, Sédang, Bahnar, Katu, Kaho, Stieng, Mạ, Chru, Raglai, Chăm, v.v., trong đó có dân tộc Hroi⁴.

Tuy nhiên, nhiều nhà nghiên cứu không chuyên về lịch sử Champa thường hiểu rằng Champa là vương quốc của người Chăm, còn các dân tộc sống ở khu vực Tây Nguyên, trong đó có dân tộc Hroi không phải là thần dân Champa, nhưng là một nhóm người bị dân tộc Chăm đô hộ. Đây là một quan điểm lịch sử sai lầm mà chúng tôi lần lược minh chứng ở phần sau đây.

Sơ lược nguồn gốc dân tộc Hroi

Ai cũng biết, Hroi là một dân tộc định cư ở khu vực tỉnh Phú Yên, địa đầu của tiểu vương quốc Panduranga. Nhưng họ là ai và có liên hệ gì với vương quốc Champa thời trước ?

Dựa trên bia ký tiếng Phạn tìm thấy ở Vat Luang và các bút ký của thương thuyền Tây Phương⁵ viếng thăm miền nam nước Lào vào thế kỷ thứ 18, B. Gay⁶ đã chứng minh rằng kể từ thế kỷ thứ V, vương quốc Champa đã mở rộng biên giới của mình đến khu vực Champasak của miền nam nước Lào bao gồm cả vùng Tây Nguyên ở miền trung Việt Nam. Chính vì thế, vương quốc này đã để lại một số ấn dấu kiến trúc ở miền nam nước Lào như tháp Wat Phu và nhiều vết tích lịch sử nằm rải rác ở khu vực Tây Nguyên Việt Nam như đền Yang Prong gần Ban Mê Thuột do vua Jaya Shimevarman III (Chế Mân) xây

³ Đôi lúc, tiểu vương quốc Kauthara chỉ là một thánh địa trực thuộc dưới quyền điều hành của Panduranga.

⁴ Xem Po Dharma (1987, 1997); P-B Lafont (1991); B. Gay (1988).

⁵ J. C. Lejosne (1986, trang 103).

⁶ B. Gay (1988, trang 49-58). Xem thêm P-B. Lafont (1991, trang 16-17); L. Doudart de Lagrée (1883); G. Cœdès (1912, trang 209-220).

dựng vào cuối thế kỷ thứ 13⁷ và đền Yang Mum ở khu vực Pleiku xây dựng vào cuối thế kỷ thứ 14 và đầu thế kỷ thứ 15⁸.

Một dự kiện trong khu vực Tây Nguyên đáng được chú ý, đó là giữa thế kỷ thứ 12, vương quốc Champa bị phân chia làm hai miền. Miền nam, tức là tiểu vương quốc Panduranga, đặt dưới quyền lãnh đạo của vua Jaya Harivarman I. Ngược lại, tiểu vương quốc Vijaya ở miền bắc đặt dưới quyền đô hộ của quân xâm lược Kampuchea. Vì không thể chấp nhận sự thống trị của ngoại bang, vua Jaya Harivarman I ở miền nam tiến quân ra bắc giải phóng thủ đô Vijaya vào năm 1149, giết được hoàng tử Harideva, lãnh đạo đoàn quân viễn chinh Kampuchea. Sau ngày thắng trận, thay vì Jaya Harivarman I phải rút quân trở về Panduranga, ông ta lại lợi dụng tình thế, tự xưng vương ở Vijaya, mặc dù ông ta biết rằng quyền nối ngôi ở Vijaya phải thuộc về hoàng tử Vangsaraja, chính là em ruột của vợ ông ta.

Nhằm phản đối lại sự đoạt ngôi này, dân tộc Tây Nguyên mà bia đá gọi là *Kiratas*⁹ phát cờ vùng dậy đưa hoàng tử Vangsaraja lên làm vua ở Vijaya. Vua Jaya Harivarman I không còn giải pháp khác để giải quyết sự khủng hoảng chính trị này, quyết định vào năm 1151 tấn công đoàn quân mà bia ký gọi là Randaiy (Radé), Mada (Bahnar?)¹⁰ và nhóm quân *Kiratas* khác do hoàng tử Vangsaraja lãnh đạo. Thất trận, hoàng tử Vangsaraja chạy sang Đại Việt cầu cứu viện trợ¹¹.

Từ cuộc chiến tấn công đoàn quân Tây Nguyên vào năm 1151 dưới thời vua Jaya Harivarman I, một số nhà nghiên cứu Tây Phương và Việt Nam trong đó có G. C. Hickey, Dorohiem và

⁷ G. Maspero (1928, trang 191).

⁸ Muốn biết thêm danh sách di tích lịch sử Champa ở khu vực Tây Nguyên, xem G. C. Hickey (1982, trang 91-107).

⁹ *Kiratas* là tiếng Phạn không có nghĩa là người man rợ, nhưng ám chỉ dân tộc sống ở vùng cao.

¹⁰ Dorohiem và Dohamide (1965, trang 59) cho rằng Mada là dân tộc Mạ ở khu vực Đồng Nai. Mada trong bia đá không thể là người Mạ được, vì trận chiến này chỉ diễn ra ở cao nguyên, nằm về phía tây của Vijaya, tức là khu vực Ban Mê Thuột và Pleiku.

¹¹ G. Maspero (1928, trang 158).

Dohamide¹², không cần đi tìm nguyên nhân chính đáng để giải thích cho biến cố này, chỉ xem đó là ý đồ của vua Chăm muốn thống trị dân tộc Thượng. Đây cũng là một quan điểm lịch sử sai lầm cần được chỉnh đốn lại.

Biến cố năm 1151 đã cho độc giả một bằng chứng cụ thể đó là dân tộc Tây Nguyên mà bia ký gọi chung là *Kiratas* (dân tộc sống ở miền cao) là thần dân của của vương quốc Vijaya-Champa thời trước. Nếu họ vùng dậy vào năm 1151, không phải là vì họ thù hận chống người Chăm, nhưng là họ không chấp nhận thái độ Jaya Harivarman I, vua Panduranga ở miền nam, cướp ngai vàng của hoàng tử Vangsaraja ở Vijaya mà họ vẫn xem hoàng tử này là cấp lãnh đạo chính thức của họ. Dân tộc Tây Nguyên rất cảm ơn vua Jaya Harivarman I đã có công đánh đuổi quân xâm lược Kampuchea vào năm 1149 nhưng họ cũng không chấp nhận vua này lợi dụng cơ hội nhằm thống trị vương quốc ở miền bắc vào năm 1151.

Theo B. Gay¹³, sự hiện diện của di tích lịch sử Champa trên Tây Nguyên cộng thêm cuộc vùng dậy của dân tộc Tây Nguyên chống lại vua Jaya Harivarman I vào năm 1151 là một bằng chứng cụ thể nhằm chứng minh rằng vùng Tây Nguyên là đất đai của Champa thời trước và các dân tộc sống trên Tây Nguyên đều là thần dân của vương quốc này. Thêm vào đó, nhiều bia ký ở Champa và văn kiện lịch sử Trung Quốc cũng nhắc đến vai trò của dân tộc Tây Nguyên trong chiến lược quân sự chống sự xâm lăng của quân Mông Cổ vào năm 1282. Cũng theo tư liệu này, vào năm 1282, khi quân Mông Cổ tiến đến cửa thành Đồ Bàn, vua Champa Indravarman V và hoàng tử Harijit quyết định dời bỏ thủ đô này lui về hậu cứ ở Tây Nguyên (khu vực Ban Mê Thuột và Pleiku) nhằm củng cố lực lượng. Sau đó, vua Indravarman V với 20.000 quân, đa số là dân tộc Tây Nguyên, tràn xuống đồng bằng đánh bại đoàn quân Mông Cổ để giải phóng thành Đồ Bàn¹⁴. Sự hiện diện của đoàn quân Tây Nguyên trong trận chiến chống Mông Cổ vào năm 1282 đã chứng tỏ rằng dân tộc Tây Nguyên là thần dân của vương quốc Champa đã góp phần vào công trình bảo

¹² G. C. Hickey (1982); Dorohiem và Dohamide (1965).

¹³ B. Gay (1988, trang 49-58).

¹⁴ Xem G. Maspero (1928, trang 175 và tiếp theo).

vệ tổ quốc Champa cũng như một số dân tộc khác sống ở miền duyên hải. Nếu họ không phải là nhân dân Champa, không vì lý do gì họ phải tham gia vào công tác đánh đuổi quân Mông Cổ dưới sự điều hành của vua Champa Indravarman V vào đầu thế kỷ thứ 13.

Sau ngày thất thủ thành Đồ Bàn vào năm 1471, Po Dharma¹⁵ cho rằng vương quốc Champa vẫn còn tồn tại, nhưng lãnh thổ bị thu hẹp lại ở tiểu vương quốc Panduranga ở miền nam. Tuy nhiên, Panduranga-Champa ở miền nam này không phải là vương quốc của riêng dân tộc Chăm, nhưng vẫn là một vương quốc đa chủng tập trung nhiều dân tộc anh em ở đồng bằng có dân tộc Chăm và ở Tây Nguyên có dân tộc Chru, Raglai, Kaho, Ma, Stieng, Hroi, v.v. Cùng theo Po Dharma, mỗi dân tộc của Panduranga-Champa đều có quyền ngang nhau trong tổ chức chính trị, hành chính và xã hội của tiểu vương quốc này. Tư liệu hoàng gia Panduranga-Champa từ năm 1600 đến năm 1810 viết bằng tiếng Chăm hiện đại (*akhar thrah*)¹⁶ và tiếng Hán, hiện đang lưu trữ tại thư viện Société Asiatique de Paris để lại hàng loạt hồ sơ liên quan đến sự phân quyền cho nhiều giới lãnh đạo gốc Chru và Raglai nhằm quản lý hành chính và chính trị ở hai khu vực Phanrang và Phanri¹⁷. Một thí dụ cụ thể để chứng minh cho quyền và trách nhiệm ngang nhau ở vương quốc Panduranga-Champa đó là vua Po Romé là gốc dân tộc Churu đã lên nắm chính quyền ở vương quốc này từ năm 1627 đến năm 1651. Sau đó, dòng Po Romé vẫn tiếp tục cai trị Panduranga-Champa cho đến vua Cei Brei, vì không chấp nhận

¹⁵ Po Dharma (1987, I, trang 57-79; 1997, trang 39-55).

¹⁶ Vì không tìm ra một từ vựng khoa học chính xác, các nhà nghiên cứu thường tạm dùng thuật ngữ "tiếng Chăm" để ám chỉ tiếng nói và chữ viết dùng trong tổ chức hành chính ở vương quốc Champa thời trước. Chính vì thế, tiếng Chăm ở đây không có nghĩa là tiếng nói và chữ viết của người Chăm. Theo tài liệu hoàng gia Panduranga-Champa, nhiều quan quyền gốc người Chru và Raglai cũng biết viết và đọc tiếng Chăm hiện đại này. Hiện tượng này cũng xuất hiện ở Nam Dương, vì quốc gia này dùng ngôn ngữ Mã Lai là ngôn ngữ chính thức, mặc dù đa số người Nam Dương không phải là dân tộc Mã Lai, nhưng là người Jawa, họ có tiếng nói và chữ viết riêng.

¹⁷ Xem C.H.C.P.I. (1984).

chính sách xâm lăng của Tây Sơn và Nguyễn Ánh, đã quyết định chạy sang Kampuchea vào năm 1786 nhằm xin viện trợ quân sự¹⁸.

Một khi chấp nhận Champa là một vương quốc đa chủng, các chuyên gia lịch sử thường đặt câu hỏi rằng ai là chủ nhân của vương quốc Champa này?

Để trả lời cho câu hỏi này, một số nhà văn viết lách, vì không phải là chuyên gia về lịch sử, thường quan niệm rằng người Chăm chính là chủ nhân của vương quốc Champa. Đây là một quan niệm sai lầm và phi khoa học. Vì rằng tất cả các công trình nghiên cứu khoa học liên quan đến lịch sử Champa đã từng chứng minh rằng dân tộc Chăm ở miền đồng bằng đã từng đóng một vai trò quan trọng trong quá trình lịch sử xây dựng quốc gia này, nhưng dân tộc Chăm không phải là chủ nhân duy nhất của vương quốc Champa.

Trong quá trình lịch sử, kể từ thế kỷ thứ hai đến ngày mất nước vào năm 1832, người ta chỉ biết lai lịch nguồn gốc dân tộc của hai dòng vua cầm quyền ở Champa, đó là dòng vua Po Romé (1627-1651) là gốc dân tộc Churu và dòng vua Po Saung Nhung Cheng (1799-1822) gốc người Chăm, tức là tổ tiên của Bà Thềm ở Phanri

¹⁸ E. Aymonier (1890) và E. Durand (1907) là hai tác giả đầu tiên tự phỏng đoán rằng Po Saong Nhung Ceng, vua cuối cùng trong *Sakkaraï Dak Rai Patao* (Biên niên sử Champa) là người chạy sang Kampuchea lánh nạn vào năm 1822. Dorohiem và Dohamide cũng lập lại sự phỏng đoán của E. Durand trong tác phẩm của ông ta (1965, trang 108). Đây là lý thuyết sai lầm. Vì biên niên sử Việt Nam đã khẳng định là Po Saong Nhung Ceng (tên Việt Nam là Nguyễn Văn Chán) đã từ trần ở Phan Rí vào năm 1822 vì lý do già yếu (Po Dharma, 1987, 1, trang 90). Dựa trên yếu tố này, Po Dharma (1983, trang 253-266) cho rằng vua bỏ ngôi sang lánh nạn ở Kampuchea là vua Ceï Breï (cũng gọi là Po Ceng) vào năm 1786 chứ không phải là Po Po Saong Nhung Ceng. Mãi đến năm 1795, vua Ceï Breï mới đến khu vực Kompong Cham của Kampuchea. Ngược lại, Inrasara (... trang...) dựa theo tác phẩm Po Dharma (1987, trang) cho rằng Po Saong Nhung Ceng chạy sang Kampuchea vào năm 1822. Tiếc rằng, Po Dharma (cùng số trang) đó không nói gì đến vua Po Po Saong Nhung Ceng, nhưng ngược lại trong tác phẩm này (1987, 1, trang 90) Po Dharma nói là vua này đã chết ở Phanri vào năm 1822. Có chăng Inrasara chưa bao giờ đọc tác phẩm của Po Dharma? Đây là cách làm việc khoa học thiếu nghiêm túc mà độc giả thường gặp trong một số tác phẩm xuất bản ở Việt Nam liên quan đến Champa.

hôm nay¹⁹. Còn lại những vị vua khác, người ta chỉ biết họ là vua Champa, nhưng không ai biết đến lai lịch của họ là dân tộc gì ?

Một vấn đề mà nhiều nhà nghiên cứu thường đặt ra, có chăng bia ký tìm thấy ở Champa, kể từ thế kỷ thứ 2 cho đến đầu thế kỷ thứ 15, có thể giúp chúng ta một ít dự kiện để trả lời cho câu hỏi này ? Tiếc rằng, những bia ký ở Champa chỉ dùng ba thuật ngữ nhằm chứng minh nguồn gốc dân tộc Champa, đó là : *Nagara Champa* «vương quốc Champa», *Raja Champa* «vua Champa», *Urang Champa* «dân tộc Champa». Ngược lại, chính quyền Champa thời đó không bao giờ nhắc đến một lần danh từ «Chăm» trên bia ký. Sự khuyết danh thuật ngữ «Chăm» trên tư liệu lịch sử kể từ thế kỷ thứ 2 đến thế kỷ thứ 15 đã chứng minh một cách cụ thể là *Urang Champa* «dân tộc Champa» không thể ám chỉ riêng biệt cho người Chăm được và *Raja Champa* «vua Champa» trên bia ký không thể hiểu là vua Chăm được. Nếu vua chúa Champa là người Chăm, không lý do gì các vua chúa này không viết thẳng trên bia ký họ là vua Chăm, mà họ phải tốn công để khắc trên bia ký này một danh từ khác đó là *Raja Champa* (vua Champa). Dựa trên dự kiện này, các chuyên gia lịch sử đã kết luận rằng, Champa là tên của một vương quốc nhưng cũng là thuật ngữ nhằm ám chỉ các dân tộc cùng chung sống trên lãnh thổ Champa thời trước, không phân biệt họ là ai²⁰.

Ngoài bia ký tiếng Phạn mà chúng tôi vừa trình bày ở phần trên, tư liệu sử tiếng Hán ở Việt Nam²¹ cũng không lần nào dùng danh từ «vua Chăm» hay «người Chăm» trong các biên niên sử của họ kể từ thế kỷ thứ 10 đến thời Tự Đức. Ba thuật ngữ thường dùng trong biên niên sử ở Việt Nam và Trung Quốc đó là Chiêm Thành Quốc²², Chiêm Thành Vương và Chiêm Thành Minh (dân Champa). Thêm vào đó, các tư liệu Tây Phương, nhất là bút ký của các thương thuyền ghé sang Đông Dương cũng không bao giờ nhắc đến danh từ «người

¹⁹ Po Dharma (1978, 1987).

²⁰ B. Gay (1988, trang 49-58).

²¹ Xem *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* (1972-1973); *Đại Nam Thực Lục Chính Biên và Tiền Biên* (1963-1965).

²² Chiêm Thành là từ phiên âm của thuật ngữ tiếng Phạn Champapura, có nghĩa là «Thành Phố Champa hay Thủ Đô Champa».

Chăm» hay «vua Chăm». Hai thuật ngữ thường xuất hiện trong tư liệu này đó là Campa, (cũng viết là Champa, Tjampa, tùy theo tác giả) ám chỉ cho vương quốc ở miền trung Việt Nam. Ngược lại, họ lại dùng danh từ Champois hay Champien để ám chỉ thần dân của vương quốc này chứ không phải là dân tộc Chăm²³.

Sau ngày 21 tháng 12 năm 1884, quan điểm về nguồn gốc dân tộc ở Champa đã đi vào một khúc quanh mới. Đó cũng là ngày mà ông E. Aymonier đặt chân đầu tiên lên đất đai Bình Thuận. Đây cũng là lần đầu tiên mà ông E. Aymonier tiếp xúc trực tiếp với người Chăm. Kể từ đó, ông E. Aymonier không dùng danh từ Champois hay Champien để ám chỉ dân tộc Champa nữa, nhưng lại dùng danh từ «Chăm». Thế là thuật ngữ vương quốc Chăm, vua Chăm, tháp Chăm, v.v. bắt đầu xuất hiện trên các tư liệu xuất bản kể từ năm 1884²⁴.

Năm 1890, E. Aymonier ra mắt tác phẩm *Légende historiques des Cham* (Huyền thoại lịch sử Chăm). Trong tác phẩm này, tác giả có bàn đến danh từ *Nāgar Cham* (vương quốc Chăm) xuất hiện lần đầu tiên trong tư liệu lịch sử Champa với nhan đề *Sakkarai Dak Rai Patao* (Biên niên sử)²⁵. Dựa trên sự hiện diện của thuật ngữ này, ông E. Aymonier đã kết luận rằng Chăm là dân tộc giữ vai trò chính yếu ở vương quốc Champa. Mười lăm năm sau, ông E. Durand²⁶ đứng lên phê bình và phản đối quan điểm E. Aymonier. Theo E. Durand, thuật ngữ *Nāgar Cham* (vương quốc Chăm) là một từ hiện đại do người Chăm viết vào năm 1890 trong *Sakkarai Dak Rai Patao* (Biên niên sử). Chính vào năm 1890, ông E. Durand cũng có mặt ở khu vực Panduranga và ông cũng tin cho biết rằng vào lúc đó không có một người Chăm nào biết đến danh từ Champa, vua chúa Champa. Thuật ngữ *Nāgar Cham* (vương quốc Chăm) chỉ có nghĩa hạn hẹp và lu mờ trong giới trí thức và nghệ nhân Chăm, không thể là một minh chứng lịch sử nhằm kết luận rằng Champa là vương quốc của người Chăm.

²³ Xem P-Y. Manguin (1972).

²⁴ E. Aymonier (1885, trang 247-254).

²⁵ Biên niên sử này đã được nghiên cứu bởi Po Dharma trong luận án cao học của ông ta ở đại học Sorbonne (1978).

²⁶ E. Durand (1905, trang 377-382).

Sau đó, P-B. Lafont²⁷ cũng viết một bài bình luận khác nhằm tán thành quan điểm của E. Durand và kết luận rằng tất cả vua chúa trong *Sakkarai Dak Rai Patao* (Biên niên sử) không phải là vua chúa của người Chăm, nhưng là vua chúa của một tiểu vương quốc Panduranga-Champa ở miền nam. Dân tộc Chăm chỉ là một thành phần của các dân tộc sống trong biên giới của tiểu vương quốc này.

Năm 1910, G. Maspero ra mắt tác phẩm *Le Royaume de Champa* «Vương Quốc Champa» và tái bản vào năm 1928. Trong tác phẩm này, G. Maspero cũng xác nhận Champa là một vương quốc đa chủng, nhưng ông ta vẫn còn đeo đuổi quan niệm là người Chăm vẫn là một dân tộc trấn giữ quyền chính trị quan trọng hơn so với các dân tộc khác trong vương quốc này. Đôi lúc ông ta cũng còn hiểu lầm rằng danh từ Chăm là thuật ngữ phát xuất từ Champa mà ra. Đây là một quan điểm lịch sử sai lầm mà ba nhà khoa học Pháp²⁸ đã lên tiếng phản đối mạnh liệt trong bài phê bình và điểm sách của họ. Dựa trên văn bản viết trên bia đá ở Champa, Kampuchea và Nam Dương, L. Finot²⁹, một chuyên gia Champa của Viện Viễn Đông Pháp cho rằng người Chăm không thể nào là chủ nhân của vương quốc Champa được, vì rằng văn kiện bia đá không bao giờ nhắc đến dân tộc Chăm một lần nào, nhưng mà chỉ nói đến dân tộc Champa (*Urang Champa*), vua Champa (*Raja Champa*) và vương quốc Champa (*Nagara Champa*) mà thôi. Thế thì trên cơ sở nào, G. Maspero lại kết luận rằng người Chăm trấn giữ quyền lực ở vương quốc này. Theo L. Finot, nếu văn kiện lịch sử dùng thuật ngữ *Raja Champa* thì chúng ta phải dịch là vua Champa chứ không thể hiểu là vua Chăm được. Thế thì, yếu tố chính của sự nhầm lẫn lịch sử này phát xuất từ quan niệm không cơ sở khoa học cho rằng thuật ngữ Chăm và Champa chỉ là một, cùng chung một nguồn gốc. Tiếc rằng, Chăm và Champa là hai từ vựng khác nhau. Champa là từ vựng tiếng Phạn ám chỉ cho vương quốc ở miền trung Việt Nam. Còn Chăm là danh từ địa phương dùng trong văn bản

²⁷ P-B. Lafont (1980, trang 105-111).

²⁸ L. Finot (1928, trang 285-292); E. Maurel (1892, 1893); L. Arousseau (1914).

²⁹ L. Finot (1928, trang 285-292).

để ám chỉ cho cộng đồng người Chăm ở khu vực Phanrang và Phanri³⁰.

Bước vào 1965, nguồn gốc dân tộc Champa đã trở thành một chủ đề khuấy mắt chứa chấp bao nhiêu sự mâu thuẫn và sai lầm đăng tải hàng loạt trong các tập san khoa học lẫn báo chí hàng ngày ở Việt Nam. Khởi đầu cho sự khuấy mắt này là sự ra đời vào năm 1965 của tác phẩm Dorohiem và Dohamide với nhan đề : *Dân-tộc Chăm Lược-Sử*. Đây là một cuốn sách lịch sử hoàn toàn dựa trên tác phẩm *Le Royaume de Champa* (Vương Quốc Champa) của G. Maspero (1928) và *Légendes historiques des Chams* (Huyền thoại lịch sử của người Chăm) của ông E. Aymonier (1890). Tiếc rằng Dorohiem và Dohamide tiếp tục lập đi lập lại bao nhiêu sự sai lầm của ông G. Maspero, vì hai tác giả này không đọc bài phê bình về sự sai lầm trong cuốn sách của ông G. Maspero do ba nhà khoa học Pháp thực hiện mà chúng tôi vừa nêu ở phần trên. Thêm vào đó, Dorohiem và Dohamide đưa ra một quan điểm riêng tư của mình nhằm chứng minh rằng người Chăm mới là chủ nhân thật sự của vương quốc Champa này, nhưng hai tác giả này không cần dựa vào một dự kiện lịch sử nào để giải thích cho lý thuyết không cơ sở khoa học này. Theo Dorohiem và Dohamide, chỉ có vua Chăm, nước Chăm, người Chăm. Nhìn qua tác phẩm với chủ đề: *Dân-tộc Chăm Lược-Sử*, độc giả có thể đặt nghi vấn có chăng chỉ có dân tộc Chăm mới có lịch sử ? Thế thì những dân tộc anh em khác ở Tây Nguyên, họ là ai ?

³⁰ Sự nhầm lẫn nguồn gốc tiếng Phạn và tiếng Chăm liên quan đến một số địa danh này vẫn thường xuất hiện trong các tác phẩm xuất bản ở Việt Nam. Trong tự điển Chăm-Việt của Bùi Khánh Thế, tác giả cho rằng Panrang (xứ Phan Rang) cũng viết là Panduranga, Pandarang, Phun Darang. Đây là một quan điểm sai lầm. Panrang là danh từ địa phương ám chỉ cho khu vực Phanrang hôm nay. Còn Panduranga là từ vựng gốc tiếng Phạn ám chỉ cho tiểu vương quốc Champa ở miền nam bao gồm cả khu vực Phan Rang, Phan Rí. Ngược lại, Pandarang là từ Chăm hiện đại (akhar thrah) phiên âm từ Panduranga của tiếng Phạn ra. Cuối cùng, Phun Darang, tức là từ xuất phát trong câu 9 của Ariya Gleng Anak, không phải là tên địa danh, nhưng là cây diên điển. Lý do để giải thích Phun Darang = Pandarang phát xuất từ định nghĩa sự sai lầm trong tác phẩm Inrasara (.....trang.....).

Trong tác phẩm *Dân-tộc Chăm Lược-Sử*, Dorohiem và Dohamide cùng đưa ra một lý thuyết mới nữa nhằm đồng hóa dân tộc Tây Nguyên thành người Chăm. Dựa trên quan điểm của ba nhà nghiên cứu Hoa kỳ, Dorohiem và Dohamide cho rằng người Chăm chia thành hai nhóm (trang 17): «Nhóm Chăm miền đồng bằng (low land) và nhóm Chăm Cao-Nguyên (Up land)»³¹. Đây là một quan điểm sai lầm. Vì dân tộc Tây Nguyên không phải là người Chăm, nhưng là một thành phần của dân tộc Champa nói một thứ tiếng được xếp vào nhóm Chamic, chỉ có thể thôi³².

Cùng trong tác phẩm này, Dorohiem và Dohamide còn kết luận rằng Tây Nguyên không phải là đất đai của vương quốc Champa, nhưng là một khu vực bị người Chăm đô hộ. Trang 115 của *Dân-tộc Chăm Lược-Sử* viết rằng: «Nền văn-minh Chăm không tự hạn định phạm-vi trong vương quốc Champa, mà còn vươn ra ngoài biên-cương, ảnh-hưởng quan-trọng đối với một số Dân-tộc Cao-Nguyên Trung-Phần (...)». Có chăng đây là một văn chương chính trị nhằm tách rời dân tộc Tây Nguyên ra khỏi lịch sử Champa phù hợp với chủ trương của chính sách Việt Nam Cộng Hòa thời trước hay là vì hai tác giả này không thấu triệt yếu tố cơ bản lịch sử Champa là một vương quốc đa chủng.

Sau ngày xuất bản *Dân-tộc Chăm Lược-Sử* vào năm 1965, hầu hết các nhà nghiên cứu Việt Nam, trong đó có một số chuyên gia hay trí thức gốc người Chăm đã biến quan điểm sai lầm của Dorohiem và Dohamide thành một dự kiện lịch sử để rồi đăng tải hàng loạt trên sách báo xuất bản ở Việt Nam hay ở nước ngoài, cho rằng Champa là vương quốc của người Chăm; anh em Tây Nguyên không phải là dân tộc Champa nhưng là dân tộc khác bị người Chăm đô hộ.

³¹ F. M. Lebar, G. C. Hickey, J. K. Musgrave (1964). Tiếc rằng ba tác giả này chỉ nói đến ngôn ngữ Chamic ở đồng bằng và ngôn ngữ Chamic ở cao nguyên, chứ không phải người Chăm ở đồng bằng và người Chăm ở cao nguyên.

³² Chamic là thuật ngữ khoa học nhằm ám chỉ ngôn ngữ thuộc gia đình đa đảo (Austronesian) còn dùng ở khu vực Đông Dương, chứ không phải thuật ngữ nói về nguồn gốc nhân chủng của một dân tộc. Người Jarai nói một thứ tiếng được xếp vào gia đình Chamic, nhưng người Jarai không phải là người Chăm.

Để trả lời cho sự sai lầm mà chúng tôi vừa nêu ở phần trên, B. Gay³³ là tác giả cuối cùng nghiên cứu về nguồn gốc lịch sử dân tộc Champa đã kết luận rằng vương quốc Champa không phải là vương quốc của dân tộc Chăm, nhưng là vương quốc đa chủng tập hợp toàn thể dân tộc anh em cùng chung sống trên lãnh thổ chính trị chung của Champa, trong đó có dân tộc Hroi, một dân tộc sống ở khu vực Aia Ru (tỉnh Phú Yên), tức là địa đầu của tiểu vương quốc Panduranga-Champa thời trước.

Sau ngày thất thủ thành Đồ Bàn vào năm 1471, khu vực Phú Yên hay nói một cách khác khu vực dân cư Hroi vẫn còn trực thuộc vào biên giới hành chính của tiểu vương quốc Panduranga-Champa, mặc dù khu vực này đã trở thành một bãi chiến trường trong các cuộc tranh chấp biên giới giữa Champa và nhà Nguyễn thời đó. Hơn 140 năm sau, tức là năm 1611, khu vực Phú Yên, bị rơi vào tay nhà Nguyễn. Thế thì dân tộc Hroi, cả dân tộc Jarai, Radé, Bahnar, Sédang, v.v. ở Tây Nguyên mất hẳn sự liên hệ với các sắc dân Champa ở khu vực Panduranga³⁴.

Gần 4 thế kỷ lưu lạc và sau đó lại rơi vào tay thống trị của nhà Nguyễn kể từ năm 1611, dân tộc Hroi hôm nay vẫn còn giữ lại một số truyền thống văn hóa của mình và tiếng nói của mình. Đây là một yếu tố lịch sử quan trọng. Vì rằng, hàng vạn dân tộc Champa ở vùng ven biển chạy dài từ khu vực Indrapura (Quảng Bình) đến tiểu vương quốc Vijaya (Bình Định) cùng mang thân phận vong quốc như người Hroi, nhưng họ không còn giữ lại nguồn gốc văn hóa và tiếng nói của họ nữa. Họ chỉ biết rằng họ không phải là người Việt và rất vinh hạnh với tên gọi Ôn, Ma, Trà, Chế, nhưng bị đồng hóa hoàn toàn³⁵. Cho đến

³³ B. Gay (1988, trang 49-58).

³⁴ Po Dharma (1987). Xem thêm Phan Khoang (1969).

³⁵ Ngược lại, các dân tộc Champa sống ở miền Panduranga và tất cả những tư liệu cổ viết bằng tiếng Chăm hiện đại (*akhar thrah*) còn lưu lại trong khu vực Panduranga, cũng không còn nhớ đến một kỷ niệm gì, dù là địa danh hay biến cố lịch sử, liên quan đến khu vực miền bắc chạy dài từ Bình Định đến Quảng Bình.

Nếu Thiên Sanh Canh (...), Inrasara (.....) cho rằng *Harek Kah Harek Dhei* ở Quảng Bình; Inrasara (...), Đắc Văn Kiệt (2001, trang 88-98) cho rằng Bia Mih Ai trong tác phẩm *Nai Mai Mang Makah* là vương phi My E ở Vijaya; Bích Văn (2001, trang 51-59) cho rằng Po Kabrah ở Panduranga là vua Trà Toàn ở Vijaya,

hôm nay, các nhà nghiên cứu vẫn còn đặt câu hỏi thế thì dân tộc Champa sống ở vùng ven biển chạy dài từ Quảng Bình đến Bình Định, họ là ai ? Có chăng họ là người Chăm hay là một dân tộc khác, vì bị đồng hóa họ không còn biết tên nguồn gốc dân tộc họ là gì?³⁶

Nếu dân tộc Hroi hôm nay không bị Việt Nam hóa và còn nói tiếng mẹ đẻ của mình, có chăng người Hroi là thân dân của Panduranga, một tiểu vương quốc ở miền nam Champa có một truyền thống rất là khác biệt, cũng là «một quê hương vừa là nơi tập trung bao sự phiến loạn chống triều đình Champa, vừa là chỗ nương thân an toàn của những vị vua liên bang Champa bại trận ở miền bắc»³⁷? Chính vì ý thức đến truyền thống khác biệt này mà tiểu vương quốc Panduranga-Champa không ngần ngại đương đầu gần 4 thế kỷ, kể từ ngày thất thủ thành Đồ Bàn vào năm 1471, chống lại chính sách Nam Tiến nhằm bảo vệ quyền sống và quyền độc lập trên đất đai của mình cho đến năm 1832.

Sống trên địa bàn dân cư nằm ngay ở Phú Yên, một khu vực đã trở thành một bãi chiến trường tranh chấp liên tục giữa Panduranga-Champa và nhà Nguyễn kể từ năm 1471, dân tộc Hroi đã khôn khéo thoát thân ra khỏi chính sách Việt Nam Hóa của nhà Nguyễn nhằm lưu giữ lại truyền thống văn hóa và tiếng nói của của mình. Sự hiện diện của dân tộc Hroi và ngôn ngữ Hroi hôm nay đã trở thành một bằng chứng cụ thể nhằm minh chứng sự khác biệt rõ rệt về ý thức hệ quốc gia Champa giữa thân dân của tiểu vương quốc Panduranga ở miền Nam và thân dân của tiểu vương quốc Vijaya, Amaravati và Inrapudra ở miền Bắc.

hay Po Dam được thờ phụng ở Phan Rí là vua Trà Duyệt ở Bình Định; Hoa Đình Bôi (2001, trang 109-114) cho rằng công chúa Po Sah Ina ở Panduranga là thú hậu của vua Lê Nhân Tông ở Đại Việt; Bá Trung Xin thì đây chỉ là một cốt chuyện do các tác giả người Chăm này phỏng đoán mà thôi. Vì không có một tư liệu lịch sử nào nói đến chuyện này.

³⁶ Hiện tượng này cũng đã xảy ra ở một số quốc gia Nam Mỹ. Thử dụ cụ thể đó là dân tộc Á Căn Đình vì bị Tây Ban Nha đô hộ và đồng hóa, họ không biết đâu là nguồn gốc dân tộc và tiếng nói mẹ đẻ của họ nữa.

³⁷ L. Finot (1909, trang 205-209); G. Maspero (1928, trang 137); Po Dharma (1987, 1, trang 59).

Theo P-B. Lafont³⁸, mặc dù đất đai Panduranga-Champa chỉ được thu gọn trong khu vực Nha Trang, Phanrang và Phanri, vương quốc Champa ở miền nam này đã bày tỏ «ý chí kiên trì nhằm đảm bảo quyền độc lập của mình qua mấy thế kỷ về sau nhằm chống lại chính sách Nam Tiến của nhà Nguyễn. Panduranga-Champa ở miền nam này có một sắc thái khác hẳn với Champa ở miền bắc. Sắc thái quan trọng đầu tiên đó là Champa ở miền nam hình thành trên những yếu tố tôn giáo và phương cách tổ chức chính trị, xã hội hoàn toàn khác biệt với Champa Ấn Độ Giáo của miền bắc (...). Những nhà lãnh đạo chính trị ở miền nam chỉ tự cho mình là người lãnh tụ phát xuất từ quần chúng Champa không hơn không kém, một lãnh tụ chỉ dựa vào sự yểm trợ của nhân dân hơn là đòi hỏi được sự thờ phượng của nhân dân. Sau cùng, vương quốc Panduranga miền nam tự ly khai dần dần với những gì có tính chất Ấn Độ Giáo để đi tìm một triết lý mới cho hệ thống tổ chức vũ trụ riêng tư của mình, trong đó triết lý Hồi Giáo vẫn là một trong những yếu tố quan trọng kể từ thế kỷ thứ 17».

Đứng trên khía cạnh lịch sử, dân tộc Hroi là thân dân của vương quốc Champa trước kia. Họ tự gọi họ là Hroi. Ngược lại, một số nhà nghiên cứu gọi họ là Chăm Hroi, nhưng không lời giải thích về quá trình lịch sử về danh xưng này. Cũng như một số dân tộc Champa ở Tây Nguyên, người Hroi có nhiều phong tục tập quán và tiếng nói gần gũi với người Chăm. Có chăng vì sự gần gũi đó mà hôm nay nhiều nhà nghiên cứu lại gán cho họ tên gọi là Chăm Hroi.

Nhìn qua nội dung từ vựng Hroi-Việt trong CAM 182 và CAM 183, chúng tôi kết luận rằng, Hroi là một tộc người có ngôn ngữ riêng của họ, mặc dù ngôn ngữ này vẫn nằm trong đại gia đình của ngôn ngữ Đa Đảo (Austronesien). Vì trong tổng số 1207 từ xuất hiện trong hai cuốn CAM 182 và CAM 183, chúng tôi kiểm kê có 243 từ vựng riêng biệt của dân tộc Hroi này. Số lượng 243 từ vựng riêng biệt này đã chứng minh cụ thể : Hroi không phải là người Chăm, nhưng là một tộc người riêng biệt cũng như người Chru, Raglai, Jarai, Radé nằm trong hệ thống ngôn ngữ Đa Đảo (Austronesien) và cũng là thân dân của cựu vương quốc Champa trước kia.

³⁸ P-B. Lafont (1999, trang 47).

Địa bàn dân cư và tổ chức xã hội Hroi

Đứng trên địa bàn dân cư, dân tộc Hroi chỉ tập trung ở khu vực *Aia Ru* hay là *Harek Kah Harek Dhei*, thuộc tỉnh Phú Yên³⁹.

Harek Kah Harek Dhei «cỏ chẻ làm đôi» là địa danh lịch sử của tiểu vương quốc Panduranga, không thể tọa lạc ở khu vực Quảng Bình như một số người Chăm tiên đoán. Đây cũng là một địa danh mà văn kiện lịch sử Việt Nam thường nhắc đến. *Hồng Đức Bản Đồ*⁴⁰ có viết: «Địa phận xã Liêm Hóa [Phú Yên] một nhánh núi chạy đến biển, nước chia làm hai, cây cỏ cũng chia ngọn ra làm hai (...). Thánh Tông ngự giá đánh Chiêm Thành, đi ngang qua chỗ ấy (...) mới khắc chữ ở bia đá [Thạch Bi] mà phân chia ranh giới». Khi nói đến núi Thạch Bi ở khu vực Phú Yên, *Đại Nam Nhất Thống Chí*⁴¹ cũng viết, «núi này có một chi nhánh chạy đến biển; chia hai dòng nước, cây cỏ cũng phân rẽ". Qua tác phẩm cây cỏ thường thấy ở Việt Nam, người ta nhận thấy rằng, Phú Yên là nơi duy nhất có «cây cỏ chẻ làm đôi»⁴². Thêm vào đó, *Harek Kah Harek Dhei* cũng là địa danh lịch sử thường dùng trong các tác phẩm viết bằng tiếng Chăm, trong đó có *Nai Mai Mang Makah*. Sau khi nghiên cứu tác phẩm này, Po Dharma, G. Moussay, Abd. Karim cho rằng *Harek Kah Harek Dhei* ám chỉ địa đầu của

³⁹ Theo Nguyễn Trắc Di (1970, trang 72), còn có vào khoảng 2.000 người Hroi định cư ở quận Buôn Hồ, tỉnh Darlac.

Địa danh ở Việt Nam là một vấn đề vô cùng phức tạp vì thường bị thay đổi tùy theo thể chế chính trị hay quy chế hành chính. Vì không đủ tư liệu liên quan đến các địa danh mới xuất hiện sau năm 1975, chúng tôi xin tạm dùng trong bài nghiên cứu này các tên địa danh dưới thời Việt Nam Cộng Hòa (1955-1975).

⁴⁰ *Hồng Đức Bản Đồ* (1962, trang 100).

⁴¹ *Đại Nam Nhất Thống Chí* (1964, trang 19).

⁴².....

vương quốc Panduranga-Champa vào thế kỷ thứ 17 có nghĩa là ở khu vực Phú Yên chứ không thể ở Quảng Bình như tác giả Inrasara phỏng đoán trong tác phẩm của ông ta⁴³.

Cho đến hôm nay, dân số Hroi vẫn còn là một vấn đề cần được nghiên cứu⁴⁴. Qua nội dung bài báo cáo của Bồ Thuận trong công tác

⁴³ Inrasara (....., trang). Nhằm bảo vệ cho sự sai lầm của mình, Inrasara (Văn Hóa Xã Hội Chăm, 2003) cho rằng nhóm nghiên cứu của Viện Viễn Đông Pháp ở Kuala Lumpur (ám chỉ Po Dharma, G. Moussay, Abd. Karim, tác giả nghiên cứu về tác phẩm *Nai Mai Mang Makah*) là những người «hạn chế về kiến thức, nhất là không hiểu bản chất văn học nên đã xảy ra nhiều sai lầm đáng tiếc như nhầm lẫn giữa hư cấu và hiện thực, giữa địa danh lịch sử với địa danh văn chương...Từ đó dẫn tới những nhận định lệch lạc tai hại. Ủng ! » (trích trang 22, Văn Hóa Xã Hội Chăm, của Inrasara). Đây là một văn chương của một nghệ nhân viết lách chứ không phải là lý luận của một nhà khoa học. Không thể kết tội nhà khoa học là người «hạn chế về kiến thức», vì họ không đồng quan điểm với mình hay họ có đủ bằng chứng để chính đốn dự kiến sai lầm của mình.

Ai cũng biết, tác phẩm *Nai Mai Mang Makah* (hay *Ariya Bani-Cham* trong tác phẩm Văn Học Chăm của Inrasara) thường nhắc đến địa danh Harek Kah Harek Dhei, nhưng tác phẩm này không cho biết nơi chốn của địa danh này ở đâu. Tại sao Inrasara cho rằng *Harek Kah Harek Dhei* phải nằm trong tỉnh Quảng Bình nhưng không cho biết lý do tại sao? Cũng trong tác phẩm này, người ta còn tìm thấy một danh xưng nữa đó là Bia Mih Ai, gốc Bal Riya (làng Bình Nghĩa, Phan Rang), tức là công chúa của tiểu vương quốc Panduranga. Trên cơ sở nào Inrasara cho rằng Bia Mih Ai phải là công chúa Mi Ê, dưới thời vua Champa Jaya Sinhavarman II (Sạ Đẩu) ở tiểu vương quốc Vijaya, nhưng Inrasara cũng không đưa ra một dự kiến lịch sử nào để chứng minh cho quan điểm của mình? Có chăng đây là sự phỏng đoán phi khoa học!

Đọc qua lời bình luận không có cơ sở khoa học này, độc giả có cảm tưởng rằng tác giả Inrasara là người không am tường về yếu tố lịch sử và văn học Champa để rồi biến chế sự sai lầm thất đúng hơn. Vì rằng tác giả không nhận diện được đâu là lịch sử của tiểu vương quốc Panduranga ở miền nam, đâu là lịch sử của tiểu vương quốc Vijaya ở miền bắc trong thể chế liên bang Champa.

Cách dùng thuật ngữ «hạn chế về kiến thức» hay «Ủng !» để ám chỉ cho giới khoa học Pháp là người thiếu trình độ đã đưa độc giả đặt bao nghi vấn có chăng đây là văn chương chính trị của Xã Hội Chủ Nghĩa nhằm chống lại các nhà khoa học không cùng quan điểm chính trị với nhà nước Việt Nam hiện hành, chứ không phải là phong cách viết văn của nhà khoa học thật sự..

điền dã vào năm 1933⁴⁵, riêng về tỉnh Phú Yên có vào khoảng 52 thôn áp dân tộc Hroi trong đó có 37 thôn ở khu vực Huyện Đồng Xuân và 15 thôn ở Huyện Sơn Hòa.

Nếu đọc giả tin vào lời kể của ông Ma Cham do Bó Thuận ghi lại⁴⁶, một số đồng bào Hroi ở làng Suối Che, huyện Sơn Hòa cho rằng tổ tiên của họ là gốc người Bình Định. Vì chiến tranh, họ chạy sang Phú Yên lánh nạn ở khu vực sông Cầu. Sau đó lại bị người Việt lấn áp khu vực này, họ phải bỏ khu vực sông Cầu để rồi chạy sang lánh nạn ở khu vực gần người Bahnar và Radé hơn. Tiếc rằng đây chỉ là một câu chuyện truyền khẩu của người Hroi, vì chúng tôi không tìm thấy tư liệu nào nói về xuất xứ của người Hroi từ khu vực Vijaya (Bình Định) sang Phú Yên lánh nạn.

Theo Nguyễn Trắc Di⁴⁷, Hroi là một dân tộc hiền lành chất phát, ở dọc theo các sườn núi. Mỗi buôn chỉ có chùng 5 tới 7 nóc nhà. Buôn nào lớn nhất có độ 20 nóc nhà. Về nông nghiệp, dân tộc Hroi phần lớn biết cày bừa, nhưng ruộng đất bán dần và nay phần lớn chỉ còn làm rẫy.

Ngoại trừ một số người giàu có, đa số đàn ông người Hroi đóng khố ở trần; đàn bà mặc áo dài như người Chăm, thích trang sức quần cườm, đeo vòng đồng hay bạc. Đàn ông người Hroi thích cà răng cho bằng và phụ nữ thích căng tai đeo ngà cho đẹp. Về phần ăn uống, đàn ông thích dùng chén đĩa còn phụ nữ Hroi thích ăn bóc bằng tay. Thức ăn hảo hạng của người Hroi là món «óc» tức là một loại gỏi thịt trộn với bao tử ruột non còn nguyên vỏ. Mỗi gia đình người Hroi có một căn nhà sàn. Mỗi nhà có ít nhất hai cái bếp: bếp kiêng củ và bếp khách. Người Hroi cũng như sắc tộc lân cận thờ nhiều thần thánh. Càng nhiều thần thánh tục lệ càng nhiều, nhất là những tục lệ liên quan đến vấn đề nông nghiệp⁴⁸.

⁴⁴ Chúng tôi biết là một tác phẩm viết về Hroi đã xuất bản ở Việt Nam sau năm 1990. Nhưng vì tình hình chính trị, chúng tôi không có phương tiện để tham khảo nội dung sách này.

⁴⁵ L. Sogny (1937, trang 73).

⁴⁶ L. Sogny (1937, trang 77).

⁴⁷ Xem Nguyễn Trắc Di (1970, trang 72). Xem thêm L. Sogny (1937, trang 73).

⁴⁸ Nguyễn Trắc Di (1970, trang 72).

Cũng theo Nguyễn Trắc Di⁴⁹, dân tộc Hroi theo chế độ mẫu hệ và mẫu cư. Người con gái Hroi đi hỏi chồng, nhưng cũng có một số thôn ấp, người con trai đi hỏi vợ. Lễ cưới được cử hành tại nhà cô dâu. Tiệc kéo dài trong ba ngày. Tài sản thuộc quyền con gái. Nếu cha mẹ chết, người con gái phải lo nuôi dưỡng những em nhỏ. Của cải chia phần cho người chết thường đem ra ngoài mộ để đó. Tóm lại, chế độ mẫu hệ của đồng bào Hroi có cùng một khuôn mẫu với chế độ mẫu hệ của người Chăm ở Phan Rang và Phan Rí.

Dù tác giả Nguyễn Trắc Di không đi vào chi tiết nhằm định nghĩa một cách khoa học hệ thống chế độ mẫu hệ của dân tộc Hroi, nhưng bài báo cáo của Bó Thuận⁵⁰ cho rằng chế độ mẫu hệ của dân tộc Hroi rất gần gũi với chế độ mẫu hệ của người Chăm.

Đứng trên phương diện luật học, mẫu hệ ở Champa là một cơ chế tổ chức gia đình trong đó người đàn bà có quyền tuyệt đối trên gia sản và con cái của mình sau ngày kết hôn. Chính vì thế, mẫu hệ ở Champa không dính dáng gì đến cơ chế mẫu quyền (matriarche), tức là quyền chính trị và xã hội của người đàn bà mà người ta thường thấy ở Tây Phương. Tuy nhiên, khi nói đến chế độ mẫu hệ ở Champa, nhiều giới nghiên cứu ở Việt Nam, trong đó có một số trí thức người Chăm thường hay phỏng đoán theo dự kiến của mình và đôi lúc cũng hay nhầm lẫn ý nghĩa chính xác của cụm từ luật học *mẫu hệ* (matrilinéaire), *mẫu cư* (matrilocal) và *mẫu quyền* (matriarche), để rồi từ đó họ kết luận rằng người Chăm theo chế độ mẫu hệ và mẫu quyền.

Inrasara là tác giả gần đây thường lập lại sự sai lầm này. Dựa trên lý thuyết của Bửu Lịch⁵¹, tác giả đưa ra một công thức không cơ sở khoa học: «Mẫu hệ = mẫu quyền + chỗ ở theo mẹ»⁵² hay nói một cách khác, mẫu hệ của người Chăm là một thể chế gia đình dựa trên hệ thống mẫu quyền và mẫu cư⁵³. Đây là một định nghĩa sai lầm, vì

⁴⁹ Nguyễn Trắc Di (1970, trang 72). Xem thêm L. Sogny (1937, trang 74).

⁵⁰ Sogny, L. (1937, trang 72-77).

⁵¹ Bửu Lịch, *Nhân chủng học và lược khảo dân tộc*, Lửa Thiêng, Sài Gòn, 1970, trang 343 (do Inrasara trích dẫn).

⁵² Inrasara (2003, trang 41).

⁵³ Chính vì hiểu sai lầm như Inrasara về mẫu hệ người Chăm, Mah Mod (1978, trang 46-47) đề nghị sửa đổi quy chế này cho phù hợp với chính sách Xã Hội Chủ

nhiều chuyên gia luật học về tổ chức gia đình ở khu vực Đông Nam Á, như ông R. Lingat⁵⁴, đã định nghĩa rằng : Mẫu hệ (matrilinéaire) là cơ chế tổ chức gia đình trong đó người đàn bà chỉ có quyền tuyệt đối trên gia sản hay con cái phát xuất từ gia đình của mình sau ngày đính hôn. Chính vì thế, khi nói đến chế độ mẫu hệ dù ở Champa hay ở khu vực các nước Đa Đảo, người ta chỉ nói đến quyền chia gia sản và con cái, chứ không phải là quyền hành của người đàn bà (matriarche) trong tổ chức gia đình và xã hội như một số chuyên gia Việt Nam thường hiểu lầm. Sau cùng, ông R. Lingat cũng nhấn mạnh rằng dân tộc Chăm hay một số dân tộc thuộc về ngôn ngữ Chamic ở Champa, như Radé, Jarai, Churu, Raglai trong đó có dân tộc Hroi theo chế độ *mẫu hệ, mẫu cư* nhưng *phụ quyền*. Vì đàn bà Chăm hay đàn bà Hroi không có một quyền lực gì trong tổ chức chính trị, xã hội và gia đình, ngoại trừ quyền tuyệt đối trên gia sản và con cái của cặp vợ chồng. Thậm chí hôm nay, một số người đàn bà Chăm hay đàn bà Hroi còn ăn cơm thừa của chồng mình để lại. Thế thì làm sao có chế độ mẫu quyền (matriarche) trong tổ chức gia đình ở Champa⁵⁵.

Nội dung từ vựng Hroi-Việt trong CAM 182 và CAM 183

Đúng trên phương diện ngôn ngữ học, dân tộc Champa chia thành hai khối ngôn ngữ riêng biệt⁵⁶. Dân tộc Sédang, Bahnar, Katu, Stieng, Kaho, Mạ dùng ngôn ngữ xếp vào nhóm Mon-Khmer. Trong lúc đó, 6 dân tộc còn lại (Radé, Jarai, Chru, Raglai, Hroi và Chăm) dùng ngôn ngữ xếp vào nhóm Đa Đảo (Austronesien) trong đó có dân tộc Hroi, còn gọi là Chăm Hroi.

Nghĩa ở Việt Nam. Theo Po Dharma (2003, trang 77-92), không vì trung thành với chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam mà một số cán bộ nhà nước đề nghị thay đổi quy chế mẫu hệ của dân tộc Champa thành chế độ phụ hệ như người Việt.

⁵⁴ R. Lingat (1952).

⁵⁵ Xem Po Dharma (1995, trang. 199-214).

⁵⁶ Liên quan đến khái niệm ngôn ngữ ở Champa, xem A. G. Haudricourt (1950, trang 172-182); G. E. Marrison (1975, trang 52-59); A. Morice (1875, trang 347-377).

1. Xuất xứ từ vựng Hroi-Việt.

Cuốn từ vựng Hroi-Việt là một tư liệu viết bằng tiếng Chăm hiện đại (*akhar thrah*)⁵⁷ và tiếng Việt trên cuốn vở học sinh có gạch hàng, hiện đang lưu trữ tại Viện Viễn Đông Pháp (EFEO) ở Paris. Tư liệu này gồm hai tập, mang ký hiệu CAM 182 và CAM 183. Mỗi tập gồm 84 trang⁵⁸. Cho đến hôm nay, Viện Viễn Đông Pháp cũng không biết ai là người thu thập tài liệu này và kể từ năm nào hai cuốn tư liệu này được lưu trữ trong thư viện của Viện⁵⁹.

Mặt bìa của CAM 182 mang một dòng tiếng Pháp : *Dictionnaire Chàm Sông Cầu Phú Yên* (Tự điển Chăm ở khu vực Sông Cầu, Phú Yên). Mặt bìa của CAM 183 cũng có một câu ghi chú bằng tiếng Pháp : *Dictionnaire Chàm Annamite tỉnh Phú Yên Sông Cầu* (Tự điển Chăm-Việt, Sông Cầu, tỉnh Phú Yên).

Mặc dù phần ghi chú tiếng Pháp có ghi rõ, đó là Dictionnaire (từ điển), nhưng dựa vào nội dung của tư liệu này, chúng tôi không cho là tự điển, đó chỉ là một danh sách từ vựng mà thôi.

Điều đáng chú ý, đó là mặt bìa của CAM 182 và CAM 183 gọi đây là tự điển Chăm-Việt chứ không phải là Hroi-Việt. Từ câu ghi chú này, người ta có thể đoán rằng cuốn từ vựng này có thể ra đời sau năm 1933. Vì năm 1933, ông L. Sogny, một nhà nghiên cứu Pháp có tin tức cho biết rằng ở khu vực Phú Yên còn có một nhóm người không biết họ là ai, nhưng họ có tổ chức gia đình và tiếng nói rất gần gũi với người Chăm. Để kiểm chứng tin tức này, ông L. Sogny yêu cầu Bó Thuận sang khu vực này để nghiên cứu thêm. Trong bài báo cáo của mình⁶⁰, Bó Thuận cũng gọi họ là người Chăm, nhưng người Chăm nói một thứ tiếng có nhiều phần dị biệt nhất là cách phát âm, so

⁵⁷ Liên quan đến chữ viết Chăm, xem E. Aymonier (1889); E. Aymonier và A. Cabaton (1906); G. Moussay (1971).

⁵⁸ Nội dung của CAM 182 và CAM 183 đã được mô tả trong tác phẩm của Po Dharam, *Complément au catalogue des manuscrits cam des bibliothèques françaises* (Paris, 1981, trang 30).

⁵⁹ Po Dharm (1981).

⁶⁰ L. Sogny (1937, trang 72-77).

với tiếng Chăm ở khu vực Phan Rang và Phan Rí; họ ở nhà sàn, mặt áo quần gần giống như dân tộc ở miền cao. Có chăng vì không có một tin tức chính xác tên gọi của dân tộc thiểu số ở khu vực Phú Yên, mà nhà nghiên cứu Pháp phải ghi trên bì của CAM 192 và CAM 183 với nhan đề là tự điển Chăm-Việt chứ không phải là Hroi-Việt.

2. Tác giả của từ vựng

CAM 182 và CAM 183 là hai cuốn từ vựng ngôn ngữ Hroi đầu tiên còn lưu trữ trong thư viện Pháp. Phải công nhận rằng, tác giả của từ vựng này là người rất am tường tiếng Chăm hiện đại (*akhar thrah*) và viết tiếng Chăm rất là khéo léo. Nhưng tác giả cũng là người am hiểu tiếng Việt mặc dù trong CAM 182 và CAM 183 này, người ta tìm thấy một số lỗi chính tả tiếng Việt so với quy luật chính tả hiện hành.

Cho đến hôm nay, không tư liệu nào biết ai là tác giả từ vựng Hroi-Việt này. Họ là gốc người Chăm hay là người Hroi? Và cũng có thể tác giả này là một chuyên gia khoa học nước ngoài biết tiếng Chăm cả tiếng Hroi và Việt.

Theo P-B. Lafont, Po Dharma et Nara Vija⁶¹, CAM 182 và CAM 183 là hai cuốn từ vựng do P. Mus sưu tầm cho thư viện Viện Viễn Đông Pháp vào năm 1929-1930. Nói như thế không phải là từ vựng này viết vào năm 1929-1930 và chưa chắc ông P. Mus là tác giả của cuốn sách này, mặc dù ai cũng biết P. Mus là người thông thạo tiếng Chăm và tiếng Việt.

Năm 1933, Bó Thuận gốc người Chăm ở Phan Rí có nhận một công tác sang tỉnh Phú Yên để nghiên cứu về dân tộc Hroi. Bài nghiên cứu này đã đăng trong tập san *Bulletin des Amis du Vieux Hué*⁶². Có chăng chủ nhân của cuốn từ vựng này là ông Bó Thuận? Tiếc rằng, Bó Thuận không đề cập gì đến cuốn từ vựng Hroi-Việt trong bài báo cáo của ông ta.

⁶¹ P-B. Lafont, Po Dharma et Nara Vija (1977, trang 4).

⁶² L. Sogny (1937).

3. Cách trình bày từ vựng

Hai cuốn từ vựng CAM 182 và CAM 183 viết bằng tay. Mỗi trang chia làm hai phần. Phần bên trái là từ vựng Hroi viết bằng tiếng Chăm hiện đại (*akhar thrah*). Phần bên phải, tác giả cho nghĩa tiếng Việt. Mỗi đơn vị từ đều mang số thứ tự, từ số 1 đến số 1867.

Đơn vị từ (*entrée*) không sắp xếp theo mẫu tự A, B, C, D, v.v. như quy luật của từ điển hiện đại, nhưng theo phương pháp điền giả, không có chủ đề nhất định. Nhìn qua nội dung của tư liệu này, người ta có thể đoán rằng là tác giả của từ vựng này chỉ ghi chép lại những đơn vị từ xuất hiện trong trí nhớ của mình hay do người khác cung cấp cho mình. Chính vì thế, một đơn vị từ được lập đi lập lại hai hay ba lần. Thí dụ, đơn vị từ *brey* 𑜁𑜨𑜃𑜫 «cho, ban» xuất hiện ba lần ở vị trí số 6, số 355 và số 822 trong cuốn từ vựng này.

Đa số đơn vị từ thường được xây dựng dựa trên một chữ duy nhất, thí dụ : 6. *brey* 𑜁𑜨𑜃𑜫 = cho, ban; 8. *mai* 𑜁𑜨𑜃𑜫 = đến, lại. Nhưng cũng có rất nhiều đơn vị từ lại được cấu tạo theo cụm từ, hay một câu nguyên vẹn. Thí dụ : 4. *aoh mbaoh* 𑜁𑜨𑜃𑜫 𑜁𑜨𑜃𑜫 = không thấy; 16. *huc hadrei sei* 𑜁𑜨𑜃𑜫 𑜁𑜨𑜃𑜫 𑜁𑜨𑜃𑜫 = sợ một mình; 56. *rawek lua lua* 𑜁𑜨𑜃𑜫 𑜁𑜨𑜃𑜫 𑜁𑜨𑜃𑜫 = rờ nhè nhẹ.

4. Nội dung từ vựng

Hai tập từ vựng CAM 182 và CAM 183 có tổng số 1867 đơn vị từ (*entrée*), trình bày tuần tự từ số 1 đến số 1867 không theo một chủ đề nhất định. Nhưng trên tổng số này, người ta chỉ tìm thấy có 1207 từ vựng mà thôi.

Trong chỉ số 1207 từ vựng này, có 9 từ vựng gốc Phạn ngữ⁶³; 3 từ vựng gốc Á Rập⁶⁴; 1 từ vựng gốc Kampuchea⁶⁵; 2 từ vựng gốc Mã

⁶³ *gana* 𑜁𑜨𑜃𑜫 [Phạn: gaṇa] = lính, quân đội; *gru* 𑜁𑜨𑜃𑜫 [Phạn: guru] = thầy; *guy* 𑜁𑜨𑜃𑜫 [Phạn: guṇa] = quyền; *hadai* 𑜁𑜨𑜃𑜫, *adai* 𑜁𑜨𑜃𑜫 [Phạn: saṃdhi] = ở chung; *kal* 𑜁𑜨𑜃𑜫 [Phạn: kala] = thuở xưa; *manih* 𑜁𑜨𑜃𑜫 [Phạn: mānuṣa] = người, nhân loại; *rap* 𑜁𑜨𑜃𑜫 [Phạn: rāpa] = thân thể; *yawa* 𑜁𑜨𑜃𑜫 [Phạn: jiwa] = hơi, tiếng; *yuen* 𑜁𑜨𑜃𑜫 [Phạn: yavana] = người Việt.

Lai⁶⁶; 12 từ vựng của ngôn ngữ Jarai và Radé và 7 từ vựng của ngôn ngữ riêng biệt của tộc người Jarai.

Điều đáng chú ý nhất đó là trên chỉ số 1207 từ vựng xuất hiện trong hai tư liệu CAM 182 và CAM 183, người ta tìm thấy có 243 từ vựng riêng biệt của ngôn ngữ Hroi. Chỉ số còn lại đó là 929 từ vựng nhóm Chamic, có nghĩa là từ thông dụng mà người ta vẫn còn dùng ở khu vực Panduranga.

Sự xuất hiện từ vựng Phạn ngữ và Ả Rập trong ngôn ngữ Hroi không có gì là ngạc nhiên cả. Lịch sử đã chứng minh rằng, dân tộc Hroi là thành phần của thần dân Champa, một quốc gia chịu ảnh hưởng, kể từ thế kỷ thứ 2 sau Công Nguyên, nền văn minh Ấn Độ Giáo rất nặng nề và kể từ thế kỷ thứ 16, nền văn minh Hồi Giáo. Điều cũng cần nhấn mạnh rằng, 9 từ vựng gốc Phạn ngữ và 3 từ vựng gốc Ả Rập không chỉ dùng riêng biệt trong ngôn ngữ người Hroi, nhưng cả trong ngôn ngữ Chăm ở khu vực Panduranga.

Mặc dù Hroi sống rất gần gũi với dân tộc Radé và Jarai, nhưng ngôn ngữ Hroi không chịu ảnh hưởng nặng nề từ vựng của hai dân tộc anh em ở khu vực Tây Nguyên, vì người ta chỉ tìm thấy 19 từ trong cuốn từ vựng Hroi-Việt. Sự xuất hiện một từ duy nhất thuộc nhóm Mon-Khmer cũng là một điều dễ hiểu, vì dù sao, dân tộc Hroi vẫn thường liên lạc với các sắc dân nói tiếng Mon-Khmer, đó là dân tộc Sédang và Bahnar ở Tây Nguyên⁶⁷.

Mặc dù từ vựng Hroi thuộc nhóm Chamic, nhưng cách phát âm của người Hroi có phần khác biệt với người Chăm ở khu vực Panduranga. Chính vì thế, người ta tìm thấy trong danh sách từ vựng

⁶⁴ *alak* ʌlʌk [Ả Rập, Mã Lai: arak] = rượu; *kanai* kʌnʌi [Ả Rập, Mã Lai: serunai] = kèn; *patap* pʌtʌp [Ả Rập, Mã Lai: kitab] = sách kinh thánh.

⁶⁵ *nyam* nʌm [Kampuchea] = ăn.

⁶⁶ *angan* ʌŋʌn, *ngan* nʌn [Mã Lai: ringgan] = của cải; *tapur* tʌpʌr [Mã Lai: dapur] = bếp.

⁶⁷ L. Sogny (1937, trang 73) cũng xác minh rằng có nhiều thôn ấp người Bahnar sống xen kẽ với người Hroi ở hai huyện Đông Xuân và Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

Hroi-Việt có nhiều từ cùng nghĩa với từ Chăm, nhưng cách phát âm có phần khác nhau. Đây là vài thí dụ điển hình:

Hroi Phú Yên	Chăm Panduranga
<i>mbaoh</i> 𑜄𑜂𑜫𑜄𑜂𑜫 = thấy	<i>mboh</i> 𑜄𑜂𑜫𑜄𑜂𑜫 = thấy
<i>brey</i> 𑜄𑜂𑜫𑜄𑜂𑜫 = cho	<i>brei</i> 𑜄𑜂𑜫 = cho
<i>manih</i> 𑜄𑜂𑜫𑜄𑜂𑜫 = người ta	<i>manuis</i> 𑜄𑜂𑜫𑜄𑜂𑜫 = người ta

Sự khác biệt này cũng có thể xuất phát từ cách phiên âm tiếng Hroi sang tiếng Chăm do tác giả của cuốn từ vựng này thực hiện. Vì nhìn qua nội dung từ vựng Hroi-Việt trong cuốn CAM 182 và CAM 183, tác giả không hề nhắc đến qui luật phiên âm tiếng Hroi sang chữ Chăm (*Akhar Thrah*). Sự khác biệt này là điều không thể né tránh trong văn tự của một số dân tộc không có chủ quyền quốc gia, không có một cơ quan chính thức đủ thẩm quyền để qui định lỗi chính tả và phát âm cho từng chữ một⁶⁸.

Trên tổng số 1207 từ vựng dùng trong CAM 182 và CAM 183, người ta tìm thấy có vào khoảng 300 thuật ngữ chuyên môn liên quan đến 6 chủ đề: tổ chức gia đình, thân thể, bệnh họa, tổ chức hình sự, thiên văn thời tiết và nông nghiệp.

Trong thuật ngữ này, không có một từ nào liên quan đến ghe thuyền hay hàng hải. Có chăng dân tộc Hroi là một cộng đồng không chuyên về nghề biển như dân tộc Chăm.

Paris, tháng 11 năm 2003

⁶⁸ Ngay cả nước Mã Lai, một quốc gia giàu mạnh ở khu vực Đông Nam Á, có một cơ quan chính thức nhằm kiểm soát chặt chẽ cách phát âm và qui luật chính tả, nhưng dân Mã Lai vẫn còn theo thói quen với cách phát âm địa phương của mình và dùng qui luật chính tả theo cách phát âm của mình.

Tài liệu tham khảo

(Đây là tư liệu mà chúng tôi dùng trong bài nghiên cứu này, chú không phải tư liệu tham khảo sơ qua không dính dáng gì với chủ đề này).

Abd. Karim, xem Po Dharma.

Alaudin Majid và Po Dharma (Chủ Biên), *Adat Perpatih Melayu-Campa*, Kementerian Kebudayaan de Pelancongan Malaysia, Kuala Lumpur, 1994.

Aurousseau, L., Compte-Rendu de G. Maspero: *Le Royaume de Champa* (1910) trong *BEFEO* XIV-9, 1914, trang 8-43.

Aymonier, E.,

1885 «Lettre de M. Aymonier au Gouverneur de la Cochinchine sur son voyage au Binh-thuàn», trong *Excursions et Reconnaissances* IX-22, 1885, trang 247-254.

1889 *Grammaire de la langue chame*, Saigon, Imprimerie Coloniale, 1889.

1890 «Légendes historiques des Chams», trong *Excursions et Reconnaissances* XIV-32, 1890, trang 145-206.

Aymonier, E. và A. Cabaton A., *Dictionnaire cam-fraçais*, Paris, PEFEO, 1906.

Bùi Khánh Thế, tự điển Chăm-Việt.....

- Bích Văn «Tỉnh Bình Thuận với những cổ vật và di tích lịch sử Chăm», *Vijaya* 3, 2001, trang 51-59.
- C.H.C.P.I. *Inventaire des Archives du Panduranga du fonds de la Société Asiatique de Paris (Pièces en caractères chinois)*, Travaux du Centre d'Histoire et Civilisations de la Péninsule Indochinoise, Paris, 1984.
- Cabaton, xem Aymonier.
- Chính-sách phát-triển sắc-tộc của chính-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa*, Bộ Phát-Triển Sắc Tộc, Saigon, 1996.
- Coedes, G., *Les Etats hindouisés d'Indochine et d'Indonésie*, Boccard, Paris, 1964
- Dorohiem và Dohamide, *Dân-Tộc Chăm Lược-Sử*, Hiệp-Hội Chăm Hồi-Giáo Việt-Nam, Saigon, 1965.
- Doudart de Lagrée, L., *Explorations et Missions*, 1883.
- Durand, E.
 1905 «Notes sur les Chams. La Chronique Royale», trong *BEFEO* V, 1905, trang 377-382.
 1907 «Notes sur les Chams. XI. Les archives des derniers rois chams», trong *BEFEO* VII, 1907, trang 353-355.
- Đắc Văn Kiệt «Vương phi My E (Bia-Mih Ai) một hồng nhan trình liệt của Chiêm Thành», *Vijaya* 3, 2001, trang 88-98.
- Đại Nam Thực Lục Chính Biên và Tiền Biên*, Hanoi, 1963-1965.
Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, Hanoi, 1972-1973.
Đại-Nam Nhất-Thống-Chỉ: tỉnh Phú-Yên Khánh-Hòa (quyển 10 và 11), Nha Văn-Hóa, Bộ Văn-Hóa Giáo-Dục, Saigon, 1964.
- G. Cœdès, G., «Nouvelles données sur les origines du Royaume Khmer», trong *BEFEO* XLVIII, 1, 1912, trang 209-220.
- Gay, B., «Vue nouvelle sur la composition ethnique du Campa», trong *Actes du Séminaire sur le Campa organisé à l'Université de Copenhague le 23 mai 1987*, Travaux du CHCPI, Paris, 1988, trang 49-58.
- Finot, L., Compte-Rendu de G. Maspero: *Le Royaume de Champa* (1928) trong *BEFEO* XXVIII, 1928, trang 285-292.
- Haudricourt, A. G., «Les consonnes préglottalisées en Indochine», trong *Bulletin de la Société de Linguistique de Paris* XLVI, 1950, trang 172-182.
- Hồng Đức Bản Đồ*, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, Saigon, 1962.

- Hickey, G. C., *Sons of the Mountains*, New Haven, Yale University Press, 1982.
- Hickey, xem Lebar.
- Hoa Đình Bôi, «Về Po Brah và nàng Công Nương, con Po Iêu Nol Rak», *Vijaya* 3, 2001, trang 109-114.
- Inrasara, *Văn Hóa-Xã Hội Chăm. Nghiên cứu và đối thoại*, Nhà Xuất Bản Văn Học, Thành Phố Hồ Chí Minh, 2003.
- Inrasara, Văn Học Chăm,
- Lafont, P-B.
1980 «Pour une réhabilitation des chroniques rédigées en cam moderne», trong *BEFEO* LXVIII, 1980, trang 105-111.
1991 «Les grandes dates de l'histoire du Campa» trong *Le Campa et le Monde malais*, Publications du CHCPI, Paris, 1991, trang 7-25.
- Lafont, P-B., Po Dharma et Nara Vija, Catalogue des manuscrits cam des bibliothèque français, Publication EFEO, Paris, 1977.
- Lebar F. M., Hickey, G. C., Musgrave, J. K., *Ethnic groups of Mainland Southeast Asia*, New haven, 1964.
- Lejosne, J. C., *Journal de voyage de G. Van Wuysthoff et de ses assistants au Laos (1641-1642)*, Bruxelles, 1986.
- Lingat, R., *Les régimes matrimoniaux du Sud-Est de l'Asie. Essai de droit comparé indochinois*, Publication de l'EFEO, 1952.
- Mah Mod, «Đặc điểm gia đình và thân tộc và xã hội của đồng bào Chăm», trong *Những vấn đề dân tộc học ở Việt Nam*, quyển II, 2, Viện Khoa Học Xã Hội tại Thành Phố HCM, Dân Tộc Học, 1978, trang 46-47.
- Manguin, P-Y., *Les Portugais sur les côtes du Vietnam et du Campa. Etude sur les routes maritimes et les relations commerciales (XVI^e, XVII^e, XVIII^e siècles)*, Public. EFEO LXXXI, Paris, 1972 .
- Marrison, G. E., «The Early Cham language and its relationship to Malay», trong *Journal of the Malayan Branch of the Royal Asiatic Society* XLVIII-2, 1975, trang 52-59.
- Maspero, G., *Le Royaume de Champa*, Van Oest, Paris, 1928.

- Maurel, E., «Mémoire sur l'anthropologie des divers peuples vivant actuellement au Cambodge», trong *Mémoires de la Société d'Anthropologie de Paris*, số III (1892), trang 442-468; số IV, 1893, trang 459-539.
- Morice, A. «Etude sur deux dialectes de l'Indochine : Les Tsiams et les Stiengs (Cochinchine et Cambodge)» trong *Revue de Linguistique et de Philologie* VII, 1875, trang 347-377.
- Moussay, G., *Dictionnaire cam-vietnamien-français*, Phanrang, Centre Culturel Cam, 1971.
- Moussay, G., xem Po Dharma.
- Musgrave, xem Lebar.
- Nara Vija, xem Lafont.
- Nguyễn Trắc Di
 1970 *Đông bào các sắc tộc thiểu số Việt-Nam*, Saigon, 1970.
 1986 *Mẫu Hệ Chàm*, Nghiên Cứu Sử Địa, Montréal, 1986.
- Phan Khoang, *Việt Sử : Xứ Đàng Trong, 1558-1777*, Saigon, Khai Trí, 1969.
- Po Dharma
 1978 *Chroniques du Panduranga* (Thèse EPHE), Paris, 1978.
 1981 *Complément au catalogue des manuscrits cam des bibliothèque français*, Publication EFEO, Paris, 1981.
 1983 «A propos de l'exil d'un roi cam au Cambodge», trong *BEFEO LXXII*, 1983, trang 253-266.
 1987 *Le Panduranga (Campa) 1802-1835. Ses rapports avec le Viêt Nam*, Public. EFEO CXLIX, Paris, 1987.
 1988 «Etat des dernières recherches sur la date de l'absorption du Campa par les Vietnamiens» trong *Actes du sâminaire sur le Campa organisé à l'Université de Copenhague le 23 mai 1987*, Travaux du CHCPI, Paris, 1988, trang 59-67.
 1991 «Le déclin du Campa entre le XVIe et le XIXe siècle» trong *Le Campa et le Monde Malais. Actes de la Conférence Internationale sur le Campa et le Monde Malais*, Berkeley, l'Université de Californie, Travaux du CHCPI, Paris, 1991, trang 47-64.
 1995 «Hommes et femmes au Panduranga (Campa)» trong *Note sur la culture et sur la religion de la Péninsule indochinoise*, L'Harmattan, Paris, 1995, trang. 199-214.

- 1997 «Survol de l'histoire du Campa», trong *Le Musée de Sculpture cam de Da Nang*, AFAO - EFEO, Paris, 1997, pp. 39-55.
- 2003 «L'idéologie de l'Etat vietnamien et les pratiques religieuses des Cham actuel de 1975 à 1988» trong *Religions et Etat en Indochine contemporaine*, Publication du CHCPI, Paris, 2003, trang 77-92.
- Po Dharma, G. Moussay, Abd. Karim, *Nai Mai Mang Makah, Tuan Puteri dari Kelantan = La princesse qui venait du Kelantan*, Kementerian Kebudayaan, Kesenian dan Pelancongan Malaysia & EFEO, Kuala Lumpur 2000.
- Po Dharma, xem Alaudin Majid.
- Po Dharma, xem Lafont.
- Quanch-Langlet, T., «Le cadre géographique de l'ancien du Campa» trong *Actes du Séminaire sur le Campa organisé à l'Université de Copenhague le 23 mai 1987*, Travaux du CHCPI, Paris, 1988, trang 27-48.
- Sogny, L., «Quelques renseignements sur un ilot de population supposée Cham habitant les huyên de Đồng-Xuân et de Sơn-Hòa, province de Phú-Yên (Annam)», trong *B.A.V.H.*, 1937 (1), trang 72-77.
- Trần Mai An, «Vai Trò của người phụ nữ Chăm, tỉnh Bình Định trong hôn nhân và gia đình hiện nay», trong *Dân Tộc Học*, Viện Dân Tộc Học, Trung Tâm Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn Quốc Gia, số 2-106, 2000, trang 14-17.
- Văn Món, *Lễ hội của người Chăm*, Nhà Xuất Bản Văn Hóa Dân Tộc, Hà Nội, 2003.